

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2012 ĐỦ ĐIỀU KIỆN
DỰ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG**

Kỳ thi tháng 7/2015

(Kèm theo Quyết định số 996/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 7 năm 2015
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
1	12D3010004	Lê Bảo Anh	12CD-ĐT1	16/11/1992	Tp.Hồ Chí Minh	6.25	11	
2	12D3010005	Bùi Thiên Ái	12CD-ĐT1	17/6/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.22	3	
3	12D3010009	Mai Thái Bảo	12CD-ĐT1	14/10/1994	ĐăkLăk	6.50	1	
4	12D3010012	Lê Văn Bình	12CD-ĐT1	16/3/1992	Quảng Ngãi	7.33	0	
5	12D3010013	Trần Thanh Bình	12CD-ĐT1	11/10/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.17	0	
6	12D3010016	Nguyễn Thành Công	12CD-ĐT1	05/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.86	0	
7	12D3010017	Phạm Minh Công	12CD-ĐT1	22/4/1994	Quảng Nam	7.75	0	
8	12D3010029	Nguyễn Tấn Duy	12CD-ĐT1	28/02/1994	Quảng Ngãi	7.78	0	
9	12D3010037	Ngô Quang Hải	12CD-ĐT1	20/8/1991	ĐăkLăk	6.61	0	
10	12D3010041	Huỳnh Ngọc Hiền	12CD-ĐT1	22/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	8.44	0	
11	12D3010045	Lê Xuân Hiếu	12CD-ĐT1	19/4/1993	Quảng Trị	6.67	1	
12	12D3010053	Mạch Minh Huy	12CD-ĐT1	01/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.94	0	
13	12D3010057	Hoàng Trường Khanh	12CD-ĐT1	19/02/1994	Đồng Nai	7.06	3	
14	12D3010073	Võ Minh Lợi	12CD-ĐT1	15/01/1994	Quảng Ngãi	6.50	14	
15	12D3010078	Nguyễn Chí Bình Minh	12CD-ĐT1	17/12/1991	Tp.Hồ Chí Minh	7.67	0	
16	12D3010082	Nguyễn Tiến Ngọc	12CD-ĐT1	28/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.44	0	
17	12D3010086	Nguyễn Thành Nhân	12CD-ĐT1	16/11/1993	Bình Thuận	6.56	0	
18	12D3010089	Tô Tấn Phát	12CD-ĐT1	19/8/1994	Bình Định	8.44	0	
19	12D3010090	Mai Lê Hoàng Phi	12CD-ĐT1	20/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.31	0	
20	12D3010092	Lê Văn Phú	12CD-ĐT1	28/8/1994	Phú Yên	6.69	0	
21	12D3010094	Nguyễn Hồng Phúc	12CD-ĐT1	1994	Tây Ninh	6.75	0	
22	12D3010180	Lê Văn Phước	12CD-ĐT1	19/11/1993	ĐăkLăk	6.92	4	
23	12D3010101	Huỳnh Tuyết Quan	12CD-ĐT1	17/9/1994	Đồng Nai	7.36	0	
24	12D3010106	Trần Văn Quý	12CD-ĐT1	10/02/1993	Nam Hà	7.69	0	
25	12D3010109	Võ Thanh Sang	12CD-ĐT1	18/10/1994	Đồng Tháp	8.25	0	
26	12D3010098	Hoàng Nguyễn Võ Quốc Sơn	12CD-ĐT1	08/6/1994	Bình Thuận	7.06	0	
27	12D3010113	Nguyễn Phi Sơn	12CD-ĐT1	15/5/1994	Lâm Đồng	6.72	2	
28	11D0060156	Đinh Thành Tài	12CD-ĐT1	01/4/1991	Mình Hải	7.14	0	
29	12D3010118	Nguyễn Văn Bé Tám	12CD-ĐT1	22/4/1990	Tiền Giang	6.83	0	
30	12D3010123	Nguyễn Văn Tặng	12CD-ĐT1	28/12/1994	Tiền Giang	7.22	0	
31	12D3010124	Nguyễn Thanh Tàu	12CD-ĐT1	24/10/1994	Bình Định	7.53	0	
32	12D3010126	Phạm Ngọc Thạch	12CD-ĐT1	10/3/1994	Lâm Đồng	7.00	0	
33	12D3010128	Phạm Văn Thái	12CD-ĐT1	09/6/1993	Kiên Giang	6.61	4	
34	12D3010133	Huỳnh Minh Thành	12CD-ĐT1	22/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.28	0	
35	12D3010134	Nguyễn Hải Kỳ Thanh	12CD-ĐT1	15/9/1994	Đồng Nai	7.28	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
36	12D3010140	Lê Hoàng	Thiện	12CĐ-ĐT1	06/7/1994	Tiền Giang	7.03	0	
37	12D3010144	Mai Hoài	Thur	12CĐ-ĐT1	23/9/1994	Đồng Tháp	7.14	0	
38	12D3010145	Lê Hoàng	Thức	12CĐ-ĐT1	10/3/1993	Sông Bé	6.67	4	
39	12D3010149	Nguyễn Đức	Toàn	12CĐ-ĐT1	16/3/1994	Đắk Lắk	6.36	7	
40	12D3010150	Nguyễn Minh	Trí	12CĐ-ĐT1	13/6/1994	Long An	6.19	0	
41	12D3010154	Nguyễn Văn	Trình	12CĐ-ĐT1	10/5/1994	Đắk Lắk	6.19	0	
42	12D3010156	Nguyễn Hoài	Trọng	12CĐ-ĐT1	20/11/1994	Bến Tre	6.92	0	
43	12D3010157	Nguyễn Trung	Trực	12CĐ-ĐT1	02/11/1994	Đồng Tháp	7.08	0	
44	12D3010158	Trần Đức	Trung	12CĐ-ĐT1	28/3/1994	Quảng Ngãi	7.47	0	
45	12D3010161	Nguyễn Thanh	Trường	12CĐ-ĐT1	21/8/1994	Bình Thuận	6.50	0	
46	12D3010162	Trần Công Quốc	Trưởng	12CĐ-ĐT1	15/11/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.94	0	
47	12D3010165	Lê Hoàng	Tuấn	12CĐ-ĐT1	25/9/1994	Sông Bé	7.17	0	
48	11D0060190	Trần Cảnh	Tuấn	12CĐ-ĐT1	20/5/1993	Bình Thuận	6.39	18	
49	12D3010169	Trần Thanh	Tùng	12CĐ-ĐT1	01/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.28	4	
50	12D3010172	Đinh Đức	Việt	12CĐ-ĐT1	26/10/1993	Ninh Bình	6.78	0	
51	12D3010174	Trần Văn	Vinh	12CĐ-ĐT1	03/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	8.53	0	
52	12D3010176	Nguyễn Tuấn	Vũ	12CĐ-ĐT1	11/4/1992	Đồng Nai	6.17	2	
53	12D3010178	Nguyễn Ngọc	Vương	12CĐ-ĐT1	20/02/1993	Quảng Ngãi	6.56	0	
54	12D3010003	Hà Việt	Anh	12CĐ-ĐT2	12/9/1993	Phú Thọ	7.00	7	
55	12D3010010	Tô Thanh	Bảo	12CĐ-ĐT2	04/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.33	0	
56	11D0060082	Nguyễn Văn	Chung	12CĐ-ĐT2	03/5/1991	Hà Tĩnh	6.67	0	
57	12D3010015	Lã Văn	Công	12CĐ-ĐT2	20/5/1993	Vĩnh Phúc	7.89	0	
58	11D0060083	Nguyễn Chí	Công	12CĐ-ĐT2	14/7/1993	Sông Bé	6.94	12	
59	12D3010018	Trần Viết	Công	12CĐ-ĐT2	16/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.86	0	
60	12D3010019	Lê Văn	Cường	12CĐ-ĐT2	12/5/1994	Quảng Ngãi	8.22	0	
61	12D3010024	Nguyễn Văn	Doanh	12CĐ-ĐT2	11/9/1994	Sông Bé	6.53	0	
62	12D3010028	Lương Minh	Dương	12CĐ-ĐT2	29/02/1992	Đắk Lắk	6.33	2	
63	12D3010030	Nguyễn Hải	Đăng	12CĐ-ĐT2	24/01/1994	Thuận Hải	7.61	0	
64	12D3010031	Nguyễn Khắc	Diệp	12CĐ-ĐT2	10/10/1994	Tây Ninh	6.69	7	
65	12D3010032	Nguyễn Quốc	Đỉnh	12CĐ-ĐT2	05/9/1993	Bình Định	7.03	0	
66	12D3010034	Hồ Duy	Đông	12CĐ-ĐT2	13/9/1994	Bình Định	7.94	0	
67	12D3010036	Lê Công	Guim	12CĐ-ĐT2	10/7/1994	Thừa Thiên-Huế	6.39	0	
68	12D3010038	Nguyễn Huy	Hải	12CĐ-ĐT2	08/02/1994	Hà Tĩnh	5.89	21	
69	12D3010039	Nguyễn Trọng	Hải	12CĐ-ĐT2	12/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.22	0	
70	12D3010040	Nguyễn Phúc	Hậu	12CĐ-ĐT2	25/5/1994	Bến Tre	5.72	4	
71	12D3010042	Phan Thái	Hiển	12CĐ-ĐT2	16/11/1992	Khánh Hòa	6.08	3	
72	12D3010044	Trần Văn	Hiệp	12CĐ-ĐT2	19/5/1994	Hải Hưng	7.36	0	
73	12D3010046	Nguyễn Đức	Hiếu	12CĐ-ĐT2	17/7/1994	Gia Lai	6.06	4	
74	11D0060107	Đinh Bảo	Hòa	12CĐ-ĐT2	14/6/1993	Bình Định	6.36	0	
75	12D3010050	Nguyễn Việt	Hưng	12CĐ-ĐT2	01/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.78	0	
76	12D3010052	Huỳnh Ngọc	Huy	12CĐ-ĐT2	16/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.53	0	
77	12D3010056	Trần Ngọc	Kha	12CĐ-ĐT2	08/8/1994	Bình Thuận	6.78	0	
78	12D3010058	Phan Trọng	Khánh	12CĐ-ĐT2	22/5/1994	Long An	6.08	9	
79	12D3010062	Trần Quốc	Khoa	12CĐ-ĐT2	09/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.14	11	
80	12D3010066	La Tuấn	Kiệt	12CĐ-ĐT2	20/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.56	0	
81	12D3010068	Lương Trọng	Lập	12CĐ-ĐT2	05/8/1994	Quảng Ngãi	7.06	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
82	12D3010070	Nguyễn Tấn Linh	12CĐ-ĐT2	29/8/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.64	0	
83	12D3010071	Nguyễn Văn Linh	12CĐ-ĐT2	02/12/1993	Quảng Ngãi	6.64	0	
84	12D3010072	Nguyễn Tài Lợi	12CĐ-ĐT2	16/10/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.72	3	
85	12D3010074	Nguyễn Bảo Long	12CĐ-ĐT2	26/5/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.56	0	
86	12D3010083	Nguyễn Văn Nhạc	12CĐ-ĐT2	15/7/1994	Bến Tre	6.25	0	
87	12D3010087	Nguyễn Hoàng Nhật	12CĐ-ĐT2	27/11/1994	Bến Tre	6.89	0	
88	12D3010091	Mong Hoàng Phong	12CĐ-ĐT2	05/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.47	7	
89	12D3010095	Nguyễn Hồng Phúc	12CĐ-ĐT2	30/4/1992	Bến Tre	7.64	0	
90	12D3010100	Huỳnh Thanh Quan	12CĐ-ĐT2	28/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.42	0	
91	12D3010107	Ngô Thanh Sang	12CĐ-ĐT2	20/10/1994	Bình Thuận	6.78	0	
92	12D3010111	Chí Ngọc Sơn	12CĐ-ĐT2	16/9/1994	Bình Thuận	7.31	0	
93	12D3010119	Trần Ngọc Anh Tâm	12CĐ-ĐT2	24/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.00	10	
94	12D3010131	Nguyễn Quốc Thắng	12CĐ-ĐT2	29/6/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.14	11	
95	12D3010139	Dương Anh Thi	12CĐ-ĐT2	01/4/1993	Ninh Thuận	6.42	7	
96	12D3010151	Nguyễn Trọng Trí	12CĐ-ĐT2	29/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.36	0	
97	12D3010181	Lê Hoài Trương	12CĐ-ĐT2	10/10/1994	Bình Định	6.61	7	
98	12D3010163	Phạm Văn Truyền	12CĐ-ĐT2	27/5/1994	Sóc Trăng	6.00	7	
99	12D3010175	Nguyễn Tăng Vũ	12CĐ-ĐT2	06/7/1994	Ninh Thuận	6.92	3	
100	12D301Đ001	Bùi Thuận An	12CĐ-Đ1	14/3/1994	Bình Thuận	6.51	0	
101	12D301Đ002	Nguyễn Hoài An	12CĐ-Đ1	15/6/1994	Đồng Nai	6.00	1	
102	12D301Đ006	Đào Trọng Thiên Ân	12CĐ-Đ1	21/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.62	3	
103	12D301Đ007	Lê Đình Ân	12CĐ-Đ1	09/3/1994	Ninh Thuận	5.49	23	
104	12D301Đ009	Dương Quốc Bảo	12CĐ-Đ1	28/9/1993	Hà Tĩnh	8.03	0	
105	12D301Đ010	Nguyễn Như Bình	12CĐ-Đ1	02/4/1994	Thừa Thiên-Huế	6.16	0	
106	12D301Đ013	Đỗ Ngọc Chung	12CĐ-Đ1	20/4/1991	Thanh Hóa	6.19	2	
107	12D301Đ014	Đặng Văn Công	12CĐ-Đ1	28/02/1994	Kiên Giang	6.51	0	
108	12D301Đ015	Lâm Nguyễn Hùng Cường	12CĐ-Đ1	14/02/1994	Quảng Ngãi	6.43	8	
109	12D301Đ017	Trần Quốc Cường	12CĐ-Đ1	08/7/1993	Đồng Tháp	7.49	0	
110	12D301Đ021	Phạm Văn Diện	12CĐ-Đ1	10/4/1993	Bến Tre	7.11	0	
111	12D301Đ022	Nguyễn Thanh Dinh	12CĐ-Đ1	18/6/1994	Bình Thuận	5.73	9	
112	12D301Đ023	Trần Cung Duẩn	12CĐ-Đ1	25/9/1992	ĐăkLăk	7.46	0	
113	12D301Đ025	Đỗ Thanh Dũng	12CĐ-Đ1	21/4/1991	ĐăkLăk	7.59	0	
114	12D301Đ026	Phạm Quốc Dũng	12CĐ-Đ1	30/6/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.32	0	
115	12D301Đ027	Trần Minh Dũng	12CĐ-Đ1	27/11/1994	Long An	7.59	0	
116	12D301Đ029	Hồ Anh Duy	12CĐ-Đ1	16/6/1994	Tiền Giang	6.95	0	
117	12D301Đ030	Hồ Sĩ Duy	12CĐ-Đ1	27/8/1991	Tp.Hồ Chí Minh	7.11	0	
118	12D301Đ031	Nguyễn Duy	12CĐ-Đ1	22/10/1993	Bình Thuận	6.78	0	
119	12D301Đ034	Vũ Ngọc Duy	12CĐ-Đ1	22/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.38	0	
120	12D301Đ037	Đoàn Ngọc Đạt	12CĐ-Đ1	10/12/1993	Lâm Đồng	6.51	0	
121	12D301Đ038	Trần Văn Đạt	12CĐ-Đ1	28/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.73	0	
122	12D301Đ041	Nguyễn Đinh	12CĐ-Đ1	28/5/1994	Quảng Nam	7.00	0	
123	12D301Đ043	Nguyễn Văn Đông	12CĐ-Đ1	06/01/1991	Lâm Đồng	6.65	0	
124	12D301Đ045	Nguyễn Xuân Đức	12CĐ-Đ1	08/9/1994	Khánh Hòa	7.05	0	
125	12D301Đ049	Lê Xuân Hải	12CĐ-Đ1	07/5/1993	Lâm Đồng	7.03	0	
126	12D301Đ050	Nguyễn Hữu Hải	12CĐ-Đ1	24/3/1994	Bình Thuận	6.19	0	
127	11D0010126	Nguyễn Văn Hải	12CĐ-Đ1	10/02/1992	Sông Bé	6.68	14	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
128	12D301Đ051	Phạm Thanh	Hải	12CD-Đ1	12/11/1993	Long An	6.08	4	
129	12D301Đ053	Nguyễn Trọng	Hậu	12CD-Đ1	02/11/1994	Phú Yên	6.62	0	
130	12D301Đ054	Trần Thanh	Hậu	12CD-Đ1	25/11/1993	Tp.Hồ Chí Minh	5.59	12	
131	11D0010133	Nguyễn Văn	Hiền	12CD-Đ1	27/12/1991	Bình Thuận	6.43	0	
132	11D0010137	Doãn Bá	Hiếu	12CD-Đ1	10/9/1993	ĐăkLăk	6.19	6	
133	12D301Đ058	Lê Trung	Hiếu	12CD-Đ1	10/02/1994	Bình Thuận	6.49	0	
134	12D301Đ059	Lâm Minh	Hoàng	12CD-Đ1	07/11/1994	Bến Tre	6.03	0	
135	12D301Đ065	Nguyễn Phát	Hưng	12CD-Đ1	10/6/1994	Bến Tre	7.70	0	
136	12D301Đ066	Đoàn Văn	Huy	12CD-Đ1	08/01/1994	Bình Thuận	6.89	0	
137	12D301Đ067	Hoàng Công	Huy	12CD-Đ1	20/7/1994	Quảng Ngãi	6.81	5	
138	12D301Đ070	Vũ Anh	Huy	12CD-Đ1	16/5/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.65	0	
139	12D301Đ071	Trương Thành	Khoa	12CD-Đ1	24/3/1994	Long An	6.97	0	
140	12D301Đ073	Đặng Văn	Lên	12CD-Đ1	17/8/1994	Bình Định	6.89	0	
141	12D301Đ074	Phạm Tài	Lộc	12CD-Đ1	26/01/1994	Bình Thuận	6.41	2	
142	12D301Đ077	Hồ Thanh	Luận	12CD-Đ1	05/7/1992	Tp.Hồ Chí Minh	6.70	0	
143	12D301Đ078	Lê Thành	Luân	12CD-Đ1	04/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.62	0	
144	12D301Đ079	Nguyễn Minh	Luân	12CD-Đ1	10/6/1994	Tây Ninh	6.35	4	
145	12D301Đ089	Bùi Hữu	Nghĩa	12CD-Đ1	17/7/1992	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.92	0	
146	12D301Đ091	Mai Thái	Nguyên	12CD-Đ1	07/3/1993	ĐăkLăk	7.16	0	
147	12D301Đ097	Trần Ngọc	Nhật	12CD-Đ1	19/8/1994	Quảng Bình	7.54	0	
148	12D301Đ101	Mai Tấn	Phát	12CD-Đ1	24/4/1993	Tiền Giang	6.86	0	
149	12D301Đ109	Nguyễn Việt Hải	Phong	12CD-Đ1	05/12/1993	Đồng Nai	7.62	0	
150	12D301Đ113	Phạm Văn	Quý	12CD-Đ1	11/3/1993	Sông Bé	7.11	0	
151	11D0010306	Bùi Tấn	Tài	12CD-Đ1	01/3/1993	Bình Định	6.68	0	
152	12D301Đ117	Nguyễn Ngọc	Tài	12CD-Đ1	01/01/1994	Quảng Nam	7.38	0	
153	12D301Đ125	Nguyễn Tiến	Thành	12CD-Đ1	13/11/1992	Tiền Giang	6.97	0	
154	12D301Đ129	Dương Tuấn	Thảo	12CD-Đ1	29/9/1994	Hải Hưng	6.70	0	
155	12D301Đ133	Trịnh Xuân	Thịnh	12CD-Đ1	12/6/1993	Ninh Thuận	7.00	0	
156	12D301Đ141	Huỳnh Minh	Tiến	12CD-Đ1	20/5/1994	Bến Tre	7.30	0	
157	12D301Đ153	Nguyễn Lê Quang	Trung	12CD-Đ1	04/6/1994	Bình Thuận	6.95	0	
158	11D0010301	Phan Quốc	Tú	12CD-Đ1	13/9/1993	ĐăkNông	6.59	1	
159	11D0010265	Lê Trần Quốc	Tuấn	12CD-Đ1	01/4/1993	Sông Bé	6.08	3	
160	12D301Đ165	Trần Quốc	Việt	12CD-Đ1	19/9/1994	An Giang	6.84	0	
161	12D301Đ169	Nguyễn Khắc	Vũ	12CD-Đ1	06/8/1994	Bình Thuận	7.11	0	
162	12D301Đ004	Nguyễn Hoàng	Anh	12CD-Đ2	17/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.03	0	
163	12D301Đ012	Nguyễn Công	Chiến	12CD-Đ2	10/7/1994	Long An	6.27	0	
164	12D301Đ016	Nguyễn Cao	Cường	12CD-Đ2	02/01/1994	Quảng Bình	6.54	2	
165	12D301Đ020	Nguyễn Thành	Diên	12CD-Đ2	30/3/1994	Đồng Nai	6.86	0	
166	12D301Đ032	Nguyễn Phước Quý	Duy	12CD-Đ2	01/01/1993	Bình Thuận	6.38	0	
167	12D301Đ036	Nguyễn Hải	Đăng	12CD-Đ2	12/12/1993	Ninh Thuận	6.35	0	
168	12D301Đ040	Huỳnh Thanh	Diệp	12CD-Đ2	10/02/1993	Bình Thuận	6.35	2	
169	11D0010023	Lê Cảnh	Đức	12CD-Đ2	29/3/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.59	2	
170	12D301Đ052	Hà Công	Hậu	12CD-Đ2	20/12/1994	Bình Thuận	8.22	0	
171	12D301Đ056	Đặng Minh	Hiếu	12CD-Đ2	29/8/1994	Bình Thuận	6.59	2	
172	11D0010153	Lê Trung	Kiên	12CD-Đ2	23/9/1993	Long An	6.59	3	
173	12D301Đ076	Võ Lý	Long	12CD-Đ2	30/12/1994	Bình Định	6.70	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
174	12D301Đ083	Trần Kim Minh	12CD-Đ2	19/8/1994	Bình Thuận	6.08	7	
175	12D301Đ084	Ngô Anh Nam	12CD-Đ2	06/11/1993	Kiên Giang	7.03	0	
176	12D301Đ088	Hà Tấn Ngân	12CD-Đ2	18/11/1994	Bình Định	6.62	7	
177	12D301Đ092	Nguyễn Ngọc Nguyên	12CD-Đ2	04/6/1994	Ninh Thuận	6.32	0	
178	12D301Đ094	Phạm Nhân	12CD-Đ2	10/01/1994	Quảng Ngãi	7.84	0	
179	12D301Đ095	Tạ Thiện Nhân	12CD-Đ2	12/12/1994	Tiền Giang	5.76	4	
180	12D301Đ096	Huỳnh Hữu Nhất	12CD-Đ2	19/7/1994	Bình Định	6.51	5	
181	12D301Đ098	Lê Tấn Ninh	12CD-Đ2	21/01/1994	Quảng Ngãi	6.38	4	
182	12D301Đ099	Nguyễn Xuân Nở	12CD-Đ2	15/02/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.30	0	
183	12D301Đ100	Võ Tấn Pháp	12CD-Đ2	20/10/1990	Quảng Ngãi	5.92	9	
184	12D301Đ102	Nguyễn Hồng Phát	12CD-Đ2	14/5/1994	Long An	7.05	0	
185	12D301Đ107	Đoàn Thanh Phong	12CD-Đ2	05/9/1994	Bình Định	6.70	5	
186	12D301Đ111	Đặng Quý	12CD-Đ2	19/02/1994	Bình Thuận	6.68	4	
187	12D301Đ114	Nguyễn Thanh Quyền	12CD-Đ2	18/11/1994	Bình Thuận	6.59	2	
188	12D301Đ115	Ong Dù Sén	12CD-Đ2	19/11/1994	An Giang	7.03	0	
189	12D301Đ116	Nguyễn Văn Sơn	12CD-Đ2	30/01/1994	Bình Thuận	6.43	4	
190	12D301Đ118	Nguyễn Ngọc Tài	12CD-Đ2	17/5/1994	Bình Thuận	8.05	0	
191	12D301Đ119	Nguyễn Hoàng Tâm	12CD-Đ2	05/12/1994	Ninh Thuận	6.84	7	
192	12D301Đ120	Đỗ Như Tân	12CD-Đ2	27/5/1992	Đắk Lắk	6.73	0	
193	12D301Đ123	Đoàn Hữu Thắng	12CD-Đ2	05/02/1994	Nam Định	7.70	0	
194	11D0010296	Giang Hoài Thanh	12CD-Đ2	15/10/1993	Sông Bé	6.24	4	
195	12D301Đ126	Nguyễn Văn Thành	12CD-Đ2	02/12/1994	Bình Định	7.08	0	
196	12D301Đ128	Võ Thanh	12CD-Đ2	08/01/1994	Quảng Ngãi	7.00	0	
197	12D301Đ132	Võ Văn Thiết	12CD-Đ2	17/01/1994	Bình Thuận	6.92	0	
198	12D301Đ136	Ngô Minh Thống	12CD-Đ2	09/01/1994	Bình Định	6.19	0	
199	12D301Đ138	Nguyễn Văn Thương	12CD-Đ2	15/8/1994	Quảng Ngãi	6.89	0	
200	12D301Đ140	Võ Văn Thương	12CD-Đ2	22/9/1993	Nghệ An	7.05	12	
201	12D301Đ143	Tô Văn Tính	12CD-Đ2	01/01/1991	Đồng Tháp	8.05	0	
202	11D0010071	Nguyễn Lâm Toàn	12CD-Đ2	06/7/1992	Bình Định	6.19	0	
203	12D301Đ147	Đỗ Minh Trí	12CD-Đ2	04/9/1994	Ninh Thuận	6.54	0	
204	11D0010074	Võ Trọng Trí	12CD-Đ2	21/9/1992	Quảng Ngãi	5.95	1	
205	12D301Đ148	Nguyễn Thanh Triệu	12CD-Đ2	14/7/1994	Vĩnh Long	7.03	0	
206	12D301Đ150	Nguyễn Hữu Trọng	12CD-Đ2	28/01/1994	Bình Thuận	7.46	0	
207	12D301Đ152	Huỳnh Ngọc Trung	12CD-Đ2	24/12/1994	Ninh Thuận	7.76	0	
208	12D301Đ156	Võ Anh Trung	12CD-Đ2	24/4/1994	Tiền Giang	6.19	0	
209	11D0010078	Huỳnh Anh Tuấn	12CD-Đ2	16/4/1993	Long An	6.46	2	
210	12D301Đ159	Lê Thanh Anh Tuấn	12CD-Đ2	06/6/1994	Ninh Thuận	6.84	1	
211	12D301Đ160	Nguyễn Công Tuấn	12CD-Đ2	04/7/1994	Quảng Ngãi	6.65	15	
212	12D301Đ162	Kim Thanh Tùng	12CD-Đ2	01/11/1994	Thừa Thiên-Huế	7.16	0	
213	12D301Đ164	Võ Văn Tý	12CD-Đ2	10/9/1993	Thừa Thiên-Huế	6.14	1	
214	11D0010304	Trần Anh Văn	12CD-Đ2	28/8/1993	Bình Định	6.51	0	
215	12D301Đ166	Dương Quang Vinh	12CD-Đ2	15/7/1994	Quảng Ngãi	7.08	0	
216	12D301Đ167	Trịnh Tấn Vinh	12CD-Đ2	02/01/1993	Ninh Thuận	8.57	0	
217	12D301Đ168	Nguyễn Hoài Phong Vũ	12CD-Đ2	18/11/1994	Ninh Thuận	8.32	7	
218	12D301Đ170	Trần Thanh Vũ	12CD-Đ2	20/6/1992	Kiên Giang	7.35	0	
219	12D301Đ171	Nguyễn Hoàng Vỹ	12CD-Đ2	15/7/1994	Tây Ninh	7.14	1	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
220	12D2060003	Đặng Công	Bình	12CĐ-NL1	05/4/1993	Bình Phước	6.95	0	
221	11D0070001	Đỗ Văn	Cường	12CĐ-NL1	05/02/1993	Vĩnh Long	7.23	0	
222	12D2060012	Phạm Quang	Duy	12CĐ-NL1	15/3/1994	Long An	6.66	3	
223	12D2060018	Nguyễn Văn	Hảo	12CĐ-NL1	19/9/1992	Long An	6.73	0	
224	12D2060024	Trần Bá	Hùng	12CĐ-NL1	06/9/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.39	0	
225	12D2060026	Nguyễn Văn	Khân	12CĐ-NL1	10/9/1994	Đồng Tháp	6.23	0	
226	12D2060030	Hạp Tiến Duy	Khoa	12CĐ-NL1	27/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.55	0	
227	12D2060032	Đoàn Bùi Nam	Kỳ	12CĐ-NL1	19/9/1990	Tp.Hồ Chí Minh	6.30	3	
228	12D2060034	Nguyễn Văn	Lai	12CĐ-NL1	30/7/1991	Bình Định	6.77	0	
229	12D2060036	Ngô Đình	Lâm	12CĐ-NL1	12/4/1994	Bình Định	7.50	0	
230	12D2060040	Trịnh Ngọc	Linh	12CĐ-NL1	09/8/1992	Quảng Ngãi	6.91	0	
231	12D2060042	Nguyễn Văn	Long	12CĐ-NL1	04/01/1994	Bình Định	6.20	6	
232	12D2060044	Võ Thanh	Luân	12CĐ-NL1	09/7/1994	Quảng Ngãi	6.86	0	
233	12D2060046	Đỗ Hoàng	Nam	12CĐ-NL1	15/8/1994	Long An	6.11	4	
234	12D2060052	Trình Hồng	Phúc	12CĐ-NL1	09/5/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.68	3	
235	12D2060054	Lương Thế	Quân	12CĐ-NL1	05/12/1993	Bình Định	6.98	0	
236	12D2060058	Nguyễn Văn	Quý	12CĐ-NL1	01/01/1992	Lâm Đồng	6.55	0	
237	12D2060060	Trần Thanh	Sang	12CĐ-NL1	02/6/1994	Long An	6.84	6	
238	12D2060064	Nguyễn Minh	Tâm	12CĐ-NL1	16/6/1994	Bình Định	8.25	0	
239	11D0070057	Nguyễn Thanh	Tân	12CĐ-NL1	10/12/1991	Đồng Nai	6.57	6	
240	12D2060066	Nguyễn Minh	Thành	12CĐ-NL1	26/4/1991	Đồng Nai	6.48	0	
241	12D2060068	Trần Minh	Thảo	12CĐ-NL1	16/3/1994	Bình Thuận	7.66	0	
242	12D2060070	Trần Minh	Thơm	12CĐ-NL1	16/3/1994	Bình Thuận	7.64	0	
243	12D2060072	Nguyễn Đức	Toàn	12CĐ-NL1	15/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.34	6	
244	12D2060074	Huỳnh Bá	Triết	12CĐ-NL1	28/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.43	0	
245	12D2060076	Nguyễn Đức	Trọng	12CĐ-NL1	27/9/1991	Bình Định	8.25	0	
246	12D2060078	Nguyễn Cao	Trung	12CĐ-NL1	21/4/1990	Tp.Hồ Chí Minh	6.45	3	
247	12D2060080	Nguyễn Minh	Trung	12CĐ-NL1	21/02/1994	Tây Ninh	6.14	7	
248	12D2060086	Lý Thanh	Tuấn	12CĐ-NL1	11/01/1994	Long An	6.57	0	
249	12D2060090	Nguyễn	Út	12CĐ-NL1	22/4/1994	Thừa Thiên-Huế	6.89	0	
250	12D2060094	Nguyễn Minh	Vũ	12CĐ-NL1	13/3/1992	Bến Tre	6.57	3	
251	11D0070037	Nguyễn Ngọc	Hải	12CĐ-NL1	16/4/1993	Quảng Ngãi	6.36	4	
252	12D2060002	Nguyễn Vương	Anh	12CĐ-NL2	14/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.30	0	
253	12D2060004	Đặng Thiên	Bình	12CĐ-NL2	29/4/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.07	0	
254	12D2060006	Trương Ngô	Chí	12CĐ-NL2	22/5/1992	Tp.Hồ Chí Minh	6.36	3	
255	12D2060009	Đặng Thế	Công	12CĐ-NL2	13/11/1994	Nam Hà	6.36	0	
256	12D2060011	Nguyễn Văn	Danh	12CĐ-NL2	01/01/1994	Quảng Nam	6.80	0	
257	12D2060023	Phan Minh	Hùng	12CĐ-NL2	05/10/1993	Bình Thuận	6.75	4	
258	12D2060025	Nguyễn Từ	Huy	12CĐ-NL2	01/3/1993	Quảng Nam	6.89	9	
259	12D2060027	Nguyễn Đình	Khánh	12CĐ-NL2	10/9/1994	Vĩnh Phúc	7.85	0	
260	12D2060029	Đoàn Văn	Khoa	12CĐ-NL2	08/02/1994	Khánh Hòa	7.43	0	
261	12D2060033	Hoàng Tiến	Kỳ	12CĐ-NL2	20/02/1994	Bắc Giang	7.22	0	
262	12D2060039	Phạm Duy	Linh	12CĐ-NL2	27/6/1994	Quảng Ngãi	7.49	0	
263	12D2060043	Trịnh Đình	Luận	12CĐ-NL2	01/3/1993	Bình Thuận	6.59	0	
264	12D2060045	Nguyễn Văn	Minh	12CĐ-NL2	07/9/1994	Nam Định	6.87	0	
265	12D2060047	Phùng Lê Trọng	Nghĩa	12CĐ-NL2	15/3/1994	Bến Tre	7.08	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
266	12D2060051	Lê Hồng	Phú	12CĐ-NL2	01/01/1994	Bình Định	6.48	0	
267	12D2060053	Trần Văn	Phước	12CĐ-NL2	20/3/1994	Đồng Nai	6.44	0	
268	12D2060057	Lê Phước	Quý	12CĐ-NL2	08/10/1991	Tp.Hồ Chí Minh	6.07	24	
269	12D2060059	Nguyễn Hoàng	Sang	12CĐ-NL2	04/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.17	7	
270	12D2060061	Nguyễn Văn	Son	12CĐ-NL2	16/02/1994	Quảng Bình	6.27	3	
271	12D2060063	Lê Nguyễn Đức	Tài	12CĐ-NL2	11/4/1994	An Giang	6.67	0	
272	12D2060065	Bùi Văn	Thân	12CĐ-NL2	17/02/1993	Bình Định	6.75	0	
273	12D2060008	Bùi Vạn	Thắng	12CĐ-NL2	02/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.75	0	
274	12D2060067	Nguyễn Hiếu	Thảo	12CĐ-NL2	27/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.29	6	
275	12D2060069	Thân Hải	Thọ	12CĐ-NL2	21/10/1989	Long An	8.16	0	
276	12D2060075	Võ Long	Triều	12CĐ-NL2	09/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.01	0	
277	12D2060079	Nguyễn Duy	Trung	12CĐ-NL2	26/9/1994	Bình Định	6.39	8	
278	12D2060083	Nguyễn Minh	Trường	12CĐ-NL2	13/01/1993	Đồng Nai	6.54	4	
279	12D2060085	Trần Anh	Tú	12CĐ-NL2	17/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.00	0	
280	12D2060087	Nguyễn Thanh	Tuấn	12CĐ-NL2	23/5/1985	Tp.Hồ Chí Minh	8.00	0	
281	12D2060089	Nguyễn Duy	Tuyển	12CĐ-NL2	05/4/1992	Quảng Ngãi	6.78	0	
282	12D2060097	Trần Huy	Vượng	12CĐ-NL2	03/01/1993	Kiên Giang	7.05	0	
283	12D2010004	Đậu Trọng	Anh	12CĐ-CK1	30/3/1994	Nghệ An	6.75	5	
284	12D2010005	Đỗ Huỳnh Duy	Anh	12CĐ-CK1	01/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.61	12	
285	12D2010009	Đỗ Chiêm	Bao	12CĐ-CK1	20/12/1994	Quảng Ngãi	6.64	0	
286	12D2010017	Trần	Dãnh	12CĐ-CK1	14/9/1994	ĐăkLăk	7.45	0	
287	12D2010024	Phạm Quang	Duy	12CĐ-CK1	17/8/1994	Bình Thuận	7.02	0	
288	12D2010029	Phạm Quang	Đăng	12CĐ-CK1	02/02/1994	Mình Hải	6.02	0	
289	12D2010030	Nguyễn Văn	Đạt	12CĐ-CK1	19/6/1994	Quảng Ngãi	6.45	0	
290	12D2010033	Võ Ngọc	Đạt	12CĐ-CK1	03/02/1994	Khánh Hòa	5.93	0	
291	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo	Diễn	12CĐ-CK1	06/12/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.43	4	
292	12D2010037	Lê Văn	Diệp	12CĐ-CK1	16/9/1994	Thanh Hóa	6.27	4	
293	12D2010041	Huỳnh Văn	Đôi	12CĐ-CK1	05/8/1994	Quảng Ngãi	6.93	0	
294	12D2010049	Huỳnh Minh	Hải	12CĐ-CK1	20/8/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	5.70	8	
295	12D2010061	Nguyễn Văn	Hổ	12CĐ-CK1	23/9/1993	An Giang	6.59	0	
296	12D2010069	Đặng Văn	Hữu	12CĐ-CK1	12/4/1993	Tây Ninh	7.16	0	
297	12D2010073	Nguyễn Tấn	Khang	12CĐ-CK1	04/10/1994	Bình Thuận	6.98	0	
298	12D2010081	Phan Quốc	Kiệt	12CĐ-CK1	23/02/1994	Bến Tre	7.39	0	
299	12D2010085	Nguyễn Hoàng	Linh	12CĐ-CK1	24/6/1993	Thừa Thiên-Huế	6.61	0	
300	12D2010089	Huỳnh Văn	Lộc	12CĐ-CK1	24/8/1994	Tây Ninh	6.39	0	
301	12D2010097	Nguyễn Văn	Lưu	12CĐ-CK1	29/3/1994	Quảng Ngãi	6.89	0	
302	12D2010100	Trần Hoài	Nam	12CĐ-CK1	02/8/1994	Long An	7.11	0	
303	12D2010105	Lâm Học	Nhân	12CĐ-CK1	01/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.64	7	
304	12D2010109	Châu Cường	Phát	12CĐ-CK1	15/01/1994	Cần Thơ	7.00	9	
305	12D2010119	Nguyễn Thành	Quân	12CĐ-CK1	16/8/1994	Bình Thuận	6.25	5	
306	12D2010120	Diệp Kim	Quang	12CĐ-CK1	28/10/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.52	6	
307	12D2010124	Nguyễn Hữu	Quảng	12CĐ-CK1	05/9/1993	Quảng Trị	6.68	0	
308	12D2010128	Trần Minh	Quyền	12CĐ-CK1	13/9/1988	Tp.Hồ Chí Minh	7.68	0	
309	12D2010136	Tăng Đức	Tài	12CĐ-CK1	05/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.05	14	
310	12D2010139	Nguyễn Duy	Tân	12CĐ-CK1	28/8/1993	Tây Ninh	6.52	3	
311	12D2010140	Nguyễn Văn	Tân	12CĐ-CK1	11/9/1993	Lâm Đồng	6.68	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
312	12D2010144	Nguyễn Sơn	Thạch	12CĐ-CK1	14/01/1993	Tây Ninh	7.50	0	
313	12D2010148	Hồ Đức	Thắng	12CĐ-CK1	24/12/1994	Bình Định	7.57	0	
314	12D2010156	Nguyễn Văn	Thành	12CĐ-CK1	07/7/1994	Nghệ An	7.55	0	
315	12D2010157	Sử Hải	Thanh	12CĐ-CK1	27/10/1992	Đồng Nai	6.91	0	
316	12D2010160	Nguyễn Văn	Thảo	12CĐ-CK1	27/10/1992	Bình Thuận	6.55	0	
317	12D2010175	Nguyễn Đàm Minh	Trí	12CĐ-CK1	24/12/1994	Đồng Nai	7.07	4	
318	12D2010178	Nguyễn Quốc	Trọng	12CĐ-CK1	29/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.39	0	
319	12D2010179	Nguyễn Quốc	Trung	12CĐ-CK1	24/9/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.59	0	
320	12D2010183	Trần Nhật	Trường	12CĐ-CK1	15/01/1994	Bình Thuận	5.11	6	
321	12D2010197	Nguyễn Văn	Tuấn	12CĐ-CK1	18/8/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.70	2	
322	12D2010187	Nguyễn Quốc	Tuyến	12CĐ-CK1	18/01/1994	Đồng Nai	6.64	7	
323	12D2010190	Dương Minh	Việt	12CĐ-CK1	25/10/1994	Bình Định	6.45	5	
324	12D2010191	Huỳnh Duy	Vinh	12CĐ-CK1	10/01/1994	Quảng Ngãi	6.95	0	
325	12D2010006	Lê Triều	Anh	12CĐ-CK2	28/7/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.07	0	
326	12D2010008	Trần Thanh	Ân	12CĐ-CK2	11/6/1994	Quảng Ngãi	7.30	0	
327	12D2010010	Hồ Phước Ngọc	Bảo	12CĐ-CK2	21/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.91	5	
328	12D2010014	Đồng Đăng	Cường	12CĐ-CK2	05/11/1994	Bắc Ninh	7.27	0	
329	12D2010018	Bùi Tấn	Din	12CĐ-CK2	01/9/1994	Quảng Ngãi	6.86	0	
330	12D2010026	Nguyễn Xuân	Duyên	12CĐ-CK2	09/10/1994	Hải Dương	7.09	0	
331	12D2010028	Nguyễn Tuấn	Đăng	12CĐ-CK2	06/12/1994	Quảng Ngãi	7.36	0	
332	12D2010034	Vũ Tuấn	Đạt	12CĐ-CK2	21/02/1993	Sông Bé	6.75	2	
333	12D2010038	Lư	Định	12CĐ-CK2	16/10/1993	Quảng Ngãi	7.07	0	
334	12D2010040	Nguyễn Văn	Đoàn	12CĐ-CK2	28/11/1992	Hà Bắc	6.45	0	
335	12D2010042	Trần Hữu	Đức	12CĐ-CK2	09/11/1993	Lâm Đồng	6.91	5	
336	12D2010046	Trần Hoàng	Giang	12CĐ-CK2	01/01/1994	Quảng Ngãi	7.25	0	
337	10D0020237	Phan Văn Xuân	Hậu	12CĐ-CK2	27/12/1992	Bình Thuận	7.09	0	
338	12D2010062	Nguyễn Nhật	Hòa	12CĐ-CK2	01/5/1994	Bình Định	7.00	0	
339	12D2010070	Đặng Tuấn	Huy	12CĐ-CK2	15/7/1993	ĐăkLăk	6.20	0	
340	12D2010072	Lê Ngọc	Huy	12CĐ-CK2	08/8/1994	Hà Nam	6.11	11	
341	12D2010074	Nguyễn Trọng	Khang	12CĐ-CK2	11/11/1993	Bắc Giang	7.23	0	
342	12D2010082	Nguyễn Hoàng	Lâm	12CĐ-CK2	04/9/1994	Tây Ninh	7.27	0	
343	12D2010086	Phan Vũ	Linh	12CĐ-CK2	5/1994	Long An	6.66	0	
344	12D2010092	Phùng Ngọc	Long	12CĐ-CK2	20/10/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.89	0	
345	12D2010098	Nguyễn Công	Minh	12CĐ-CK2	21/7/1994	Lâm Đồng	7.84	0	
346	12D2010102	Phạm Anh	Nghiêm	12CĐ-CK2	30/8/1994	Quảng Ngãi	6.70	3	
347	12D2010106	Lê Hoàng	Nhân	12CĐ-CK2	15/12/1993	An Giang	7.25	0	
348	12D2010108	Dương Quốc	Pháp	12CĐ-CK2	25/9/1993	Bình Thuận	7.05	0	
349	12D2010110	Linh Diệu	Phí	12CĐ-CK2	06/8/1994	Đồng Nai	7.48	0	
350	12D2010114	Nguyễn Hoài	Phúc	12CĐ-CK2	30/10/1994	Đồng Tháp	6.30	5	
351	12D2010129	Cao Văn	Sa	12CĐ-CK2	11/02/1994	Bình Phước	5.95	4	
352	12D2010131	Huỳnh Văn	Sang	12CĐ-CK2	28/10/1994	Bình Định	6.00	0	
353	12D2010137	Phạm Ngọc Đăng	Tâm	12CĐ-CK2	02/02/1994	Hậu Giang	6.48	0	
354	12D2010141	Phạm Minh	Tân	12CĐ-CK2	19/10/1992	Long An	5.68	5	
355	12D2010143	Nguyễn Phước	Tây	12CĐ-CK2	28/01/1994	Bình Thuận	5.95	11	
356	12D2010149	Mai Minh	Thắng	12CĐ-CK2	14/3/1994	ĐăkLăk	6.20	0	
357	12D2010152	Giáp Văn	Thanh	12CĐ-CK2	03/8/1993	Hà Bắc	6.91	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
358	12D2010165	Phạm Công	Thiện	12CĐ-CK2	06/01/1994	Long An	7.61	0	
359	12D2010167	Phạm Việt	Thịnh	12CĐ-CK2	26/10/1994	Bình Định	7.23	0	
360	12D2010168	Nguyễn Văn	Thuộc	12CĐ-CK2	10/9/1994	Tây Ninh	6.16	5	
361	12D2010198	Trần Văn	Tí	12CĐ-CK2	05/5/1993	Trà Vinh	6.77	0	
362	12D2010171	Phùng Thanh	Tịnh	12CĐ-CK2	10/02/1993	Quảng Ngãi	6.20	14	
363	12D2010182	Nguyễn Tấn	Trương	12CĐ-CK2	24/8/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.68	0	
364	12D2010184	Nguyễn Đắc	Truyền	12CĐ-CK2	18/5/1994	Quảng Ngãi	6.20	0	
365	12D2010188	Nguyễn Thiên	Vạn	12CĐ-CK2	08/4/1994	Bình Định	6.48	0	
366	12D2010192	Trương Hoàng Quang	Vinh	12CĐ-CK2	17/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.25	0	
367	12D2010196	Dương Lý	Vương	12CĐ-CK2	08/3/1993	Ninh Thuận	6.77	4	
368	12D2010180	Nguyễn Thành	Trung	12CĐ-CK2	03/01/1994	Tiền Giang	6.50	5	
369	12D2010003	Phạm Long	An	12CĐ-CK3	29/9/1993	Nghệ An	6.02	4	
370	12D2010007	Lê Tuấn	Anh	12CĐ-CK3	13/6/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.50	0	
371	12D2010011	Trần Văn	Bảo	12CĐ-CK3	23/5/1994	Bình Định	6.84	0	
372	12D2010012	Vũ Cao	Bền	12CĐ-CK3	19/8/1991	Đắk Lắk	6.52	0	
373	12D2010015	Bùi Văn	Dân	12CĐ-CK3	29/3/1994	Bình Thuận	6.50	0	
374	12D2010019	Nguyễn Hoàng	Dinh	12CĐ-CK3	25/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.80	0	
375	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	12CĐ-CK3	05/7/1994	Quảng Ngãi	6.66	0	
376	12D2010027	Bùi Châu Duy	Đăng	12CĐ-CK3	17/8/1993	Tiền Giang	6.70	0	
377	12D2010031	Trần Quốc	Đạt	12CĐ-CK3	26/9/1994	Kiên Giang	6.73	0	
378	12D2010032	Trần Thành	Đạt	12CĐ-CK3	21/9/1994	Quảng Ngãi	6.30	7	
379	12D2010039	Đỗ Đại	Độ	12CĐ-CK3	01/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.23	0	
380	12D2010043	Quảng Văn	Giản	12CĐ-CK3	06/7/1994	Bình Định	5.64	0	
381	12D2010048	Đậu Trọng	Hải	12CĐ-CK3	11/02/1994	Thanh Hóa	6.93	0	
382	12D2010051	Trần Minh	Hải	12CĐ-CK3	17/6/1994	Bình Thuận	6.11	0	
383	12D2010059	Huỳnh Trung	Hiếu	12CĐ-CK3	17/6/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.27	0	
384	12D2010063	Phùng Quang	Hoàng	12CĐ-CK3	27/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	8.07	0	
385	12D2010065	Phạm Hoàng	Hôn	12CĐ-CK3	01/01/1994	Long An	7.18	0	
386	12D2010075	Nguyễn Công	Khanh	12CĐ-CK3	19/8/1991	Tp.Hồ Chí Minh	8.14	0	
387	12D2010080	Huỳnh Anh	Kiệt	12CĐ-CK3	14/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.77	0	
388	12D2010083	Võ Văn	Lệnh	12CĐ-CK3	16/4/1993	Quảng Ngãi	6.30	0	
389	12D2010087	Trần Ngọc	Linh	12CĐ-CK3	17/6/1993	Đồng Nai	6.45	0	
390	12D2010091	Ngô Hoàng	Long	12CĐ-CK3	15/12/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.50	0	
391	12D2010095	Hoàng Văn	Lục	12CĐ-CK3	28/9/1994	Nghệ An	7.25	0	
392	12D2010103	Nguyễn Thái	Nguyên	12CĐ-CK3	05/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.95	8	
393	10D0020176	Văn Quang	Ninh	12CĐ-CK3	06/12/1992	Quảng Ngãi	6.70	4	
394	12D2010111	Võ Tấn	Phong	12CĐ-CK3	07/3/1994	Bến Tre	6.57	3	
395	12D2010115	Bùi Thiên	Phước	12CĐ-CK3	20/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.32	0	
396	12D2010118	Nguyễn Minh	Quân	12CĐ-CK3	19/5/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.36	0	
397	12D2010122	Nguyễn Duy	Quang	12CĐ-CK3	19/5/1994	Bình Thuận	7.57	0	
398	12D2010130	Đặng	Sáng	12CĐ-CK3	23/8/1993	Đồng Nai	6.80	0	
399	12D2010134	Vì Văn	Sức	12CĐ-CK3	26/01/1993	Lạng Sơn	7.18	0	
400	12D2010135	Nguyễn Tấn	Sỹ	12CĐ-CK3	19/4/1994	Quảng Ngãi	6.77	0	
401	12D2010142	Tạ Minh	Tấn	12CĐ-CK3	25/01/1992	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.61	0	
402	12D2010146	Nguyễn Hồng	Thái	12CĐ-CK3	25/11/1992	Phú Thọ	5.86	3	
403	12D2010150	Nguyễn Minh	Thắng	12CĐ-CK3	10/7/1992	Quảng Ngãi	5.86	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
404	12D2010158	Võ Đức	Thành	12CĐ-CK3	20/4/1993	ĐăkLăk	7.59	0	
405	12D2010159	Đàm Minh	Thảo	12CĐ-CK3	26/11/1994	Bình Định	7.89	0	
406	12D2010166	Nguyễn Chí	Thinh	12CĐ-CK3	26/4/1994	Bình Định	6.07	10	
407	12D2010169	Lê Thành	Thương	12CĐ-CK3	18/02/1994	Bến Tre	6.36	3	
408	12D2010181	Phan Thành	Trung	12CĐ-CK3	19/10/1993	Long An	6.07	19	
409	12D2010189	Lê Ngọc	Vàng	12CĐ-CK3	07/12/1993	Bình Định	6.64	0	
410	11D0020011	Lê Văn	Dự	12CĐ-CK3	02/4/1993	Quảng Ngãi	5.70	12	
411	12D2050001	Lê Quang	An	12CĐ-Ô1	24/5/1994	Quảng Ngãi	6.68	0	
412	12D2050003	Hoàng Xuân	Anh	12CĐ-Ô1	07/9/1994	Hà Tĩnh	6.03	15	
413	12D2050005	Ngô Gia	Bảo	12CĐ-Ô1	17/5/1994	Bến Tre	7.92	0	
414	12D2050007	Nguyễn Hoàng	Chiến	12CĐ-Ô1	26/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.24	0	
415	11D0030022	Trần Bảo	Duy	12CĐ-Ô1	10/12/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.97	13	
416	12D2050015	Lê Tiến	Đạt	12CĐ-Ô1	02/02/1993	Bình Phước	7.41	0	
417	12D2050098	Nguyễn Tiến	Đạt	12CĐ-Ô1	25/10/1994	Bến Tre	7.24	0	
418	12D2050017	Nguyễn Anh	Đức	12CĐ-Ô1	06/02/1994	Nam Định	6.68	9	
419	12D2050019	Nguyễn Hoàng	Giang	12CĐ-Ô1	05/9/1994	Tiền Giang	7.19	0	
420	12D2050021	Nguyễn Văn	Hào	12CĐ-Ô1	10/4/1993	Gia Lai	6.05	8	
421	12D2050023	Nguyễn Văn	Hiền	12CĐ-Ô1	08/9/1994	Ninh Thuận	7.92	0	
422	12D2050025	Nguyễn Ngọc	Hiếu	12CĐ-Ô1	25/02/1992	Quảng Ngãi	6.16	7	
423	12D2050027	Phạm Tấn	Hoàng	12CĐ-Ô1	25/5/1994	Bình Định	7.22	0	
424	12D2050031	Nguyễn Ngọc	Huy	12CĐ-Ô1	03/10/1993	Đồng Nai	6.89	0	
425	12D2050033	Nguyễn Văn	Huynh	12CĐ-Ô1	30/7/1994	Đồng Nai	6.46	0	
426	12D2050035	Trần Cao	Khả	12CĐ-Ô1	15/11/1993	Cần Thơ	7.70	0	
427	12D2050036	Trần Đình Duy	Khương	12CĐ-Ô1	16/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.30	0	
428	12D2050038	Đặng Gia	Lạc	12CĐ-Ô1	26/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.73	0	
429	12D2050040	Nguyễn Quang	Linh	12CĐ-Ô1	20/5/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.68	0	
430	12D2050042	Phạm Minh	Long	12CĐ-Ô1	19/8/1994	Kiên Giang	7.73	0	
431	12D2050044	Trương Hoàng	Minh	12CĐ-Ô1	22/02/1993	Bình Thuận	8.46	0	
432	12D2050050	Trần Phúc	Nhơn	12CĐ-Ô1	16/02/1994	Bình Định	7.81	0	
433	11D0030084	Đặng	Phát	12CĐ-Ô1	22/02/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.95	9	
434	11D0030087	Nguyễn Hoàng	Phong	12CĐ-Ô1	30/6/1991	Tp.Hồ Chí Minh	7.00	10	
435	12D2050060	Huỳnh Tấn	Qui	12CĐ-Ô1	05/6/1993	Quảng Ngãi	6.86	0	
436	12D2050062	Trần Văn	Tân	12CĐ-Ô1	05/3/1993	Thừa Thiên-Huế	6.49	0	
437	12D2050064	Nguyễn Minh	Thắng	12CĐ-Ô1	14/4/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.59	0	
438	12D2050066	Đỗ Nhật	Thành	12CĐ-Ô1	11/8/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.32	0	
439	12D2050068	Nguyễn Tiến	Thành	12CĐ-Ô1	09/11/1994	Nam Hà	6.92	6	
440	12D2050073	Mai Ngọc	Thuận	12CĐ-Ô1	20/7/1994	Bình Thuận	6.95	0	
441	12D2050074	Nguyễn Hoàng	Thuận	12CĐ-Ô1	22/7/1994	Long An	8.32	0	
442	12D2050076	Lê Hoàng	Thy	12CĐ-Ô1	07/01/1994	Sông Bé	7.54	0	
443	12D2050078	Trần Quang	Tín	12CĐ-Ô1	21/7/1994	Bình Thuận	7.97	0	
444	12D2050080	Nguyễn Thành	Toàn	12CĐ-Ô1	19/02/1994	Ninh Thuận	7.57	0	
445	12D2050082	Huỳnh Thanh	Trà	12CĐ-Ô1	02/6/1994	Tiền Giang	7.89	0	
446	12D2050083	Hoàng Lê Minh	Trí	12CĐ-Ô1	24/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.43	0	
447	12D2050086	Trần Minh	Trung	12CĐ-Ô1	05/7/1994	Đồng Tháp	7.22	3	
448	11D0030422	Đỗ Quốc	Tuấn	12CĐ-Ô1	26/02/1993	Sông Bé	7.08	20	
449	12D2050089	Nguyễn Văn	Tùng	12CĐ-Ô1	29/11/1993	ĐăkLăk	7.19	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
450	12D2050002	Trần Trọng	An	12CD-Ô2	22/11/1994	Kiên Giang	7.27	0	
451	12D2050008	Nguyễn Thế	Dân	12CD-Ô2	17/11/1993	Bình Định	5.89	20	
452	12D2050012	Nguyễn Quốc	Dũng	12CD-Ô2	08/9/1994	ĐăkLăk	6.59	0	
453	12D2050013	Phạm Anh	Dũng	12CD-Ô2	21/4/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.86	0	
454	12D2050018	Nguyễn Hữu	Đức	12CD-Ô2	09/10/1992	Tp.Hồ Chí Minh	7.05	0	
455	12D2050020	Võ Minh	Giàu	12CD-Ô2	12/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.95	0	
456	12D2050022	Tô Công	Hậu	12CD-Ô2	02/01/1995	ĐăkLăk	7.32	0	
457	12D2050028	Nguyễn Văn	Hợp	12CD-Ô2	24/9/1993	Hải Hưng	6.78	0	
458	10D0030232	Cao Thế	Huân	12CD-Ô2	07/3/1992	Nam Định	6.70	0	
459	12D2050030	Vũ Quốc	Hưng	12CD-Ô2	05/3/1994	Đồng Nai	7.08	0	
460	10D0030247	Nguyễn Hoàng	Khánh	12CD-Ô2	29/3/1991	Tp.Hồ Chí Minh	5.08	17	
461	11D0030273	Nguyễn Trung	Kiên	12CD-Ô2	20/8/1993	Hà Nam	5.97	12	
462	12D2050037	Lê Tuấn	Kiệt	12CD-Ô2	14/8/1994	Tiền Giang	6.57	0	
463	11D0030277	Nguyễn Đoàn	Lâm	12CD-Ô2	28/8/1993	Bình Định	5.86	14	
464	12D2050039	Nguyễn Thế	Lâm	12CD-Ô2	21/02/1994	Tây Ninh	6.38	3	
465	12D2050043	Lê Minh	Luân	12CD-Ô2	31/8/1994	Tây Ninh	6.78	0	
466	12D2050047	Đặng Hữu	Nghĩa	12CD-Ô2	17/10/1994	ĐăkLăk	7.30	0	
467	12D2050051	Phạm Tuấn	Nhật	12CD-Ô2	13/4/1994	Bình Thuận	7.11	0	
468	11D0030323	Nguyễn Long	Phi	12CD-Ô2	21/9/1992	An Giang	6.11	3	
469	12D2050053	Nguyễn Ngọc	Phú	12CD-Ô2	08/10/1994	Đồng Nai	6.16	0	
470	12D2050055	Đỗ Mạnh	Phúc	12CD-Ô2	17/7/1994	Tây Ninh	6.46	0	
471	12D2050059	Trần	Quang	12CD-Ô2	29/6/1994	Bình Thuận	6.27	0	
472	12D2050095	Võ Minh	Quang	12CD-Ô2	12/12/1994	Tây Ninh	7.19	0	
473	12D2050061	Đỗ Huy	Sĩ	12CD-Ô2	19/6/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.35	0	
474	11D0030350	Hà Tuấn	Tài	12CD-Ô2	11/11/1992	Tây Ninh	5.81	16	
475	12D2050063	Trần Văn	Thái	12CD-Ô2	07/4/1994	Bình Định	7.00	0	
476	12D2050069	Trần Quang	Thành	12CD-Ô2	09/4/1994	Đồng Nai	7.41	0	
477	11D0030385	Nguyễn Anh	Thiệt	12CD-Ô2	20/3/1993	Quảng Nam-Đà Nẵng	7.03	5	
478	12D2050071	Nguyễn Đỗ	Thịnh	12CD-Ô2	12/01/1993	Bình Thuận	7.22	0	
479	12D2050072	Nguyễn Đức	Thịnh	12CD-Ô2	09/12/1994	An Giang	7.41	0	
480	12D2050075	Nguyễn Thanh	Thuận	12CD-Ô2	20/02/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.32	0	
481	12D2050077	Nguyễn Văn	Tí	12CD-Ô2	25/02/1992	Đồng Tháp	6.65	3	
482	11D0030397	Trương Văn	Tiền	12CD-Ô2	10/7/1992	Quảng Ngãi	6.59	13	
483	12D2050081	Trịnh Vĩ	Toàn	12CD-Ô2	23/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.81	0	
484	11D0030416	Trương Hiếu	Trung	12CD-Ô2	04/10/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.46	4	
485	12D2050087	Lê Xuân	Tú	12CD-Ô2	10/02/1994	Bình Định	7.05	2	
486	11D0030016	Lê Tiến	Dũng	12CD-Ô2	22/11/1992	Tp.Hồ Chí Minh	6.86	9	
487	11D0030080	Lê Văn	Nhật	12CD-Ô2	16/3/1993	Quảng Ngãi	6.14	6	
488	11D0030083	Cao Lê Hồng	Phát	12CD-Ô2	30/12/1993	ĐăkLăk	6.97	9	
489	11D0030147	Hồ Nhật	Tiền	12CD-Ô2	06/4/1991	Sông Bé	6.92	3	
490	11D0030441	Cao Đình	Vũ	12CD-Ô2	25/01/1992	Quảng Ngãi	5.84	7	
491	12D2040002	Trần Phạm Đăng	Bình	12CD-M	23/9/1993	Bà Rịa-Vũng Tàu	7.45	0	
492	12D2040003	Nguyễn Vũ Minh	Châu	12CD-M	06/10/1988	Cần Thơ	9.05	0	
493	12D2040005	Dương Thị	Dung	12CD-M	13/02/1989	Đồng Nai	7.88	0	
494	12D2040006	Nguyễn Thị	Dung	12CD-M	10/5/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	8.38	0	
495	12D2040034	Phan Thị Hà	Giang	12CD-M	22/4/1994	Ninh Thuận	7.78	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
496	12D2040009	Lê Thị Minh	Gương	12CĐ-M	29/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.58	0	
497	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh	Hạ	12CĐ-M	13/6/1993	Tp.Hồ Chí Minh	8.13	0	
498	12D2040013	Huỳnh Thị Kim	Liên	12CĐ-M	20/4/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.85	0	
499	12D2040014	Nguyễn Thị	Linh	12CĐ-M	12/02/1992	Bình Thuận	7.68	0	
500	12D2040015	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	12CĐ-M	06/10/1994	Quảng Ngãi	7.93	0	
501	12D2040016	Nguyễn Thị	Nam	12CĐ-M	08/6/1994	Nghệ An	7.78	0	
502	12D2040017	Đỗ Văn	Nay	12CĐ-M	20/12/1991	Trà Vinh	7.70	0	
503	12D2040018	Nguyễn Thị Thúy	Nga	12CĐ-M	20/4/1994	Bình Định	8.20	0	
504	12D2040019	Phạm Thị Thảo	Nguyên	12CĐ-M	24/4/1994	Tiền Giang	7.65	0	
505	12D2040020	Nguyễn Văn	Nhân	12CĐ-M	29/4/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.48	0	
506	12D2040021	Trịnh Thị	Nhung	12CĐ-M	11/11/1993	Thanh Hóa	7.83	0	
507	12D2040022	Võ Ngọc Băng	Tâm	12CĐ-M	09/3/1993	Tiền Giang	7.90	0	
508	12D2040023	Nguyễn Thị Yến	Thanh	12CĐ-M	20/10/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	8.70	0	
509	12D2040024	Phạm Thị	Thanh	12CĐ-M	20/11/1992	Nam Hà	8.28	0	
510	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	12CĐ-M	27/8/1994	Bình Thuận	7.68	0	
511	12D2040027	Nguyễn Thị Kim	Thy	12CĐ-M	10/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.83	0	
512	12D2040028	Nguyễn Thị Huyền	Trân	12CĐ-M	25/10/1994	Bến Tre	7.43	0	
513	12D2040029	Dương Thị Xuân	Trang	12CĐ-M	07/7/1994	Bến Tre	7.43	0	
514	12D2040030	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12CĐ-M	25/7/1992	Tp.Hồ Chí Minh	7.58	0	
515	12D2040031	Ngô Thị Ngọc	Tuyết	12CĐ-M	14/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.90	0	
516	12D2040032	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	12CĐ-M	21/02/1994	ĐăkLăk	7.70	0	
517	12D201P001	Phạm Thành	An	12CĐ-TP1	31/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.93	0	
518	11D0040037	Phạm Vũ	An	12CĐ-TP1	08/02/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.00	13	
519	12D201P002	Nguyễn Duy	Anh	12CĐ-TP1	26/8/1991	Tp.Hồ Chí Minh	6.67	0	
520	11D0040002	Nhữ Huỳnh Phi	Anh	12CĐ-TP1	26/6/1992	Bình Thuận	6.31	3	
521	12D201P004	Võ Thanh	Bá	12CĐ-TP1	24/4/1994	Vĩnh Long	6.91	0	
522	12D201P007	Lê Toàn	Cẩm	12CĐ-TP1	30/12/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.47	0	
523	12D201P008	Lê Văn	Chí	12CĐ-TP1	20/02/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	6.11	14	
524	12D201P011	Đoàn Duy	Cường	12CĐ-TP1	28/7/1994	ĐăkLăk	6.24	0	
525	12D201P012	Trần Hùng	Cường	12CĐ-TP1	12/8/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.02	4	
526	12D201P013	Trần Thanh	Dân	12CĐ-TP1	26/8/1994	Bình Thuận	6.22	0	
527	12D201P014	Trịnh Xuân	Đạo	12CĐ-TP1	12/7/1990	Quảng Nam-Đà Nẵng	7.20	0	
528	12D201P015	Lê Nguyễn Tiến	Đạt	12CĐ-TP1	28/9/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.09	14	
529	12D201P016	Ngô Nguyên	Đạt	12CĐ-TP1	09/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.38	0	
530	11D0040014	Nguyễn Hiến	Đông	12CĐ-TP1	21/8/1993	Lâm Đồng	7.31	0	
531	12D201P018	Trần Trí	Đông	12CĐ-TP1	07/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.24	0	
532	12D201P020	Lương Vĩ	Hào	12CĐ-TP1	19/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.00	0	
533	12D201P023	Phạm Trung	Hiếu	12CĐ-TP1	02/11/1993	Tp.Hồ Chí Minh	8.13	0	
534	12D201P076	Nguyễn Minh	Hoàng	12CĐ-TP1	23/6/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.76	0	
535	12D201P027	Phạm Văn	Hộ	12CĐ-TP1	28/02/1994	Quảng Ngãi	6.36	0	
536	12D201P028	Lâm Tuấn	Hùng	12CĐ-TP1	11/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.76	0	
537	11D0040136	Nguyễn Tri	Hưng	12CĐ-TP1	15/01/1991	Quảng Ngãi	6.82	0	
538	12D201P030	Vòng Dị Vinh	Hưng	12CĐ-TP1	08/9/1994	Hồng Kông	7.07	0	
539	12D201P032	Nguyễn Triết	Huy	12CĐ-TP1	04/11/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.67	0	
540	12D201P033	Ngô Đức	Huynh	12CĐ-TP1	11/10/1994	Đồng Nai	7.56	0	
541	12D201P034	Nguyễn	Kết	12CĐ-TP1	10/3/1994	Quảng Ngãi	6.76	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
542	12D201P035	Chềng Gia	Kiệt	12CĐ-TP1	28/4/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.69	0	
543	12D201P037	Nguyễn Văn	Lâm	12CĐ-TP1	24/8/1993	Bình Thuận	6.96	0	
544	12D201P040	Triệu Đại	Lợi	12CĐ-TP1	16/7/1994	Kiên Giang	6.24	0	
545	12D201P044	Nguyễn Văn	Lượng	12CĐ-TP1	25/7/1994	Kiên Giang	6.11	0	
546	12D201P045	Lê Song Trang	Nhã	12CĐ-TP1	01/6/1994	Quảng Ngãi	5.67	15	
547	12D201P047	Võ Trọng	Nhân	12CĐ-TP1	16/3/1994	Đồng Nai	6.44	5	
548	12D201P048	Nguyễn Yến	Nhi	12CĐ-TP1	28/9/1994	Đồng Tháp	7.18	0	
549	11D0040165	Trần Hoàng	Phú	12CĐ-TP1	01/01/1993	ĐăkLăk	6.62	3	
550	12D201P050	Võ Hoàng	Phúc	12CĐ-TP1	22/12/1993	Tp.Hồ Chí Minh	8.02	0	
551	12D201P051	Lý Hồng	Phương	12CĐ-TP1	20/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.71	5	
552	12D201P053	Trần Công	Quan	12CĐ-TP1	29/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.29	0	
553	12D201P054	Đặng Minh	Quang	12CĐ-TP1	20/11/1991	Ninh Thuận	6.07	5	
554	12D201P055	Trần Hữu	Quang	12CĐ-TP1	10/7/1993	Đồng Nai	6.42	0	
555	12D201P056	Nguyễn Huỳnh Mạnh	Quốc	12CĐ-TP1	01/4/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.84	0	
556	12D201P057	Nguyễn Tấn	Quốc	12CĐ-TP1	17/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.84	0	
557	12D201P058	Huỳnh Ngọc	Quyền	12CĐ-TP1	15/6/1994	Quảng Nam-Đà Nẵng	6.58	0	
558	12D201P061	Nguyễn Minh	Tấn	12CĐ-TP1	01/4/1993	Hải Dương	6.80	8	
559	12D201P063	Nguyễn Thái	Thành	12CĐ-TP1	25/9/1994	Hà Nội	5.20	16	
560	12D201P064	Trần Ngọc Thanh	Thảo	12CĐ-TP1	07/9/1994	Mình Hải	7.13	0	
561	11D0040082	Nguyễn Lương Minh	Toàn	12CĐ-TP1	21/01/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.20	14	
562	12D201P070	Lương Hoàng	Trọng	12CĐ-TP1	19/8/1990	Tp.Hồ Chí Minh	7.56	0	
563	12D201P073	Phan Anh	Tú	12CĐ-TP1	09/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.29	0	
564	11D0040087	Trần Hoàng	Vĩnh	12CĐ-TP1	24/5/1993	Lâm Đồng	7.00	4	
565	11D0040009	Nguyễn Chí	Cường	12CĐ-TP1	28/02/1993	Khánh Hòa	5.67	7	
566	11D0040141	Tăng Tuấn	Khanh	12CĐ-TP1	30/11/1993	Cà Mau	6.71	0	
567	12D201M001	Vũ Tuấn	Anh	12CĐ-TM1	15/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.82	5	
568	11D0050002	Trần Thái	Bảo	12CĐ-TM1	06/6/1993	Nghệ An	5.66	16	
569	12D201M003	Nguyễn Hữu	Bình	12CĐ-TM1	16/01/1994	An Giang	5.34	17	
570	12D201M004	Nguyễn Hữu	Bôn	12CĐ-TM1	10/01/1994	Thừa Thiên-Huế	5.64	12	
571	12D201M076	Ngô Chí	Cảnh	12CĐ-TM1	03/02/1994	Bến Tre	5.59	16	
572	12D201M005	Nguyễn	Cấp	12CĐ-TM1	20/02/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	5.91	3	
573	12D201M006	Trần Ái	Châu	12CĐ-TM1	07/10/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.70	0	
574	12D201M007	Tiên Thanh	Chí	12CĐ-TM1	02/8/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.32	8	
575	12D201M008	Trần Đức	Công	12CĐ-TM1	09/7/1994	Đồng Nai	7.73	0	
576	12D201M009	Nguyễn Bình	Cứ	12CĐ-TM1	04/11/1994	Hà Bắc	7.25	0	
577	12D201M010	Trương Thị Phương	Dung	12CĐ-TM1	16/4/1993	Bình Định	7.36	0	
578	12D201M011	Nguyễn Duy	Dương	12CĐ-TM1	29/9/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.27	8	
579	12D201M013	Phan Trần Quốc	Duy	12CĐ-TM1	21/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.34	0	
580	12D201M014	Huỳnh Tiến	Đạt	12CĐ-TM1	15/6/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.75	0	
581	12D201M015	Kiều Tiến	Đạt	12CĐ-TM1	17/11/1994	Bến Tre	7.09	0	
582	12D201M016	Nguyễn Tấn	Đạt	12CĐ-TM1	16/8/1993	Sông Bé	7.77	0	
583	12D201M017	Huỳnh	Đô	12CĐ-TM1	06/7/1994	Khánh Hòa	7.43	0	
584	12D201M018	Lê Nguyễn Phú	Giàu	12CĐ-TM1	24/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.18	3	
585	12D201M019	Nguyễn Thanh	Hải	12CĐ-TM1	14/02/1993	ĐăkLăk	5.98	12	
586	12D201M020	Nguyễn Vũ	Hải	12CĐ-TM1	01/01/1994	Long An	6.20	0	
587	12D201M021	Huỳnh Văn	Hậu	12CĐ-TM1	05/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.14	0	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT NĂM 3 (14-15)	SỐ ĐVHT CÒN NỢ 3 NĂM	GHI CHÚ
588	11D0050016	Võ Chí	Hiếu	12CD-TM1	18/9/1993	Bình Định	5.55	7	
589	12D201M022	Lê Tiến	Hùng	12CD-TM1	30/01/1993	Định Định	5.95	5	
590	11D0050034	Trần Bá	Lâm	12CD-TM1	01/6/1993	Đồng Tháp	6.36	0	
591	12D201M026	Võ Văn	Lâm	12CD-TM1	02/7/1994	Quảng Ngãi	6.91	0	
592	12D201M027	Nguyễn Đình	Lân	12CD-TM1	03/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.30	0	
593	12D201M030	Ngô Giảng	Lynh	12CD-TM1	04/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.36	0	
594	12D201M032	Trần Anh	Minh	12CD-TM1	06/8/1994	Kiên Giang	7.91	0	
595	12D201M033	Trần Phan Nhật	Minh	12CD-TM1	18/7/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.14	3	
596	12D201M034	Trần Văn	Nam	12CD-TM1	21/5/1993	Tp.Hồ Chí Minh	5.95	4	
597	12D201M035	Trần Văn	Nam	12CD-TM1	10/9/1993	Nam Hà	6.93	0	
598	12D201M036	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	12CD-TM1	24/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.23	0	
599	12D201M037	Nguyễn Trọng	Nghĩa	12CD-TM1	24/4/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.41	0	
600	12D201M039	Lý Tài	Nhân	12CD-TM1	15/10/1994	Đồng Tháp	6.73	0	
601	12D201M041	Nguyễn Thành	Nhân	12CD-TM1	06/02/1994	Tiền Giang	5.41	17	
602	11D0050112	Trần Trọng	Nhân	12CD-TM1	20/9/1993	Tiền Giang	6.00	16	
603	12D201M042	Đặng Duy	Nhật	12CD-TM1	06/6/1994	Hà Nam	6.07	11	
604	12D201M045	Đinh Hoàng	Phúc	12CD-TM1	07/02/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.68	8	
605	12D201M046	Bùi Vạn	Phước	12CD-TM1	04/12/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.11	4	
606	12D201M050	Trần Khánh	Quang	12CD-TM1	06/12/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.52	0	
607	12D201M052	Nguyễn Cao	Son	12CD-TM1	13/6/1994	Tp.Hồ Chí Minh	6.52	13	
608	12D201M053	Nguyễn Thành	Tâm	12CD-TM1	27/8/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.39	0	
609	12D201M054	Trịnh Duy	Tâm	12CD-TM1	17/12/1993	Bình Thuận	6.32	3	
610	12D201M056	Huỳnh	Tây	12CD-TM1	10/3/1994	Quảng Ngãi	7.11	0	
611	12D201M057	Nguyễn Đức	Thân	12CD-TM1	01/10/1992	Đồng Nai	6.43	3	
612	12D201M058	Nguyễn Tấn	Thanh	12CD-TM1	18/9/1993	Tp.Hồ Chí Minh	6.07	21	
613	12D201M059	Võ Quang	Thành	12CD-TM1	30/7/1994	Quảng Ngãi	7.43	0	
614	12D201M061	Trần Thị Diễm	Thoa	12CD-TM1	30/5/1993	Trà Vinh	7.09	0	
615	12D201M063	Nguyễn Kha Quốc	Tiến	12CD-TM1	23/8/1994	Tiền Giang	7.30	0	
616	12D201M064	Nguyễn Minh	Toàn	12CD-TM1	20/4/1994	Khánh Hòa	6.86	2	
617	12D201M066	Lê Thái Điền	Trí	12CD-TM1	03/01/1994	Tp.Hồ Chí Minh	5.98	3	
618	12D201M067	Lý Minh	Triều	12CD-TM1	18/11/1994	Quảng Ngãi	6.89	0	
619	12D201M068	Lê Công	Trung	12CD-TM1	13/10/1994	Ninh Thuận	6.73	0	
620	11D0050147	La Minh Quốc	Trường	12CD-TM1	07/6/1993	Tp.Hồ Chí Minh	5.55	14	
621	12D201M069	Nguyễn Xuân	Trường	12CD-TM1	04/7/1994	Long An	5.61	18	
622	12D201M070	Nguyễn Thành	Tú	12CD-TM1	17/3/1994	Tây Ninh	5.43	11	
623	12D201M071	Nguyễn Trọng	Tuấn	12CD-TM1	22/4/1993	Tp.Hồ Chí Minh	7.91	0	
624	12D201M073	Huỳnh Lâm Quang	Vinh	12CD-TM1	23/3/1994	Tp.Hồ Chí Minh	7.45	0	

Tổng cộng danh sách có 624SV